

Số: 20/QĐ-

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý 4 năm 2024 của Viện Công nghệ thông tin

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-VHL ngày 19/02/2013 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc chuyển đổi các đơn vị trực thuộc Viện Khoa học và CNVN thành các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3018/QĐ-VHL ngày 29/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-VHL ngày 07/2/2024 về việc phê duyệt giao dự toán thu, chi NSNN đợt 1 năm 2024 trên hệ thống Tabmis ;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-VHL ngày 07/5/2024 về việc phê duyệt giao dự toán thu, chi NSNN đợt 2 năm 2024 trên hệ thống Tabmis ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tổng hợp

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý 4 năm 2024 của Viện Công nghệ thông tin (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Viện HLKHCNVN (để báo cáo);
- Lưu :VT, ...

VIỆN TRƯỞNG


VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Trường Thăng

(Biểu số 03 -Ban hành kèm the Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Viện Công nghệ thông tin
Chương: 046

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội..., ngày 12 tháng 05 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Đv tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.445	17.445	100%	98%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				



1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17.445	17.445	100%	98%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.528	2.528	100%	95%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	2.528	2.528	100%	95%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (giao tự chủ)	14.442	14.442	100%	100%
2,3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên khác				
2,4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	475	475	100%	100%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2,1	Dự án A				
2,2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Dự án A				
3,2	Dự án B				



...				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2,1	Dự án đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu, khoa học và công nghệ				
2,2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Dự án A				
3,2	Dự án B				

..., ngàytháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị



VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Trường Chăng

